

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Lệ Pha

Ông Nguyễn Văn Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1987; cư trú tại Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2024).

- **Bị đơn:** Ông Lâm Hiền H1, sinh năm 1958 và bà Sơn Thị L, sinh năm 1962; cư trú tại Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Văn H trình bày: Ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Lâm Hiền H1, bà Sơn Thị L có tham gia giao dịch hội cụ thể như sau:

Đối với dây hội ngày 25/11/2016 (âm lịch) ông T tham gia dây hội 2.000.000 đồng do vợ chồng ông H1 bà L làm chủ hội có tất cả 55 chung, đã đóng 51 lần, còn 01 chung sống. Khi chơi hội, số tiền ông T đóng cho vợ chồng bà L đầy đủ 51 chung, số tiền bà L thu cụ thể từng lần ông T không nhớ chính xác, nhưng trung bình số tiền ông T đóng là 1.500.000 đồng. Như vậy, 01 chung sống, số tiền ông T đã đóng cho bà L là 51 x 1.500.000 đồng = 76.500.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Ngày 10/6/2017 (âm lịch) ông T tham gia hội 2.000.000 đồng do vợ chồng ông H1, bà L làm chủ hội có tất cả 60 chung, đã đóng 43 lần, còn 03 chung hội sống. Số tiền bà L thu cụ thể từng lần ông T không nhớ chính xác, nhưng trung bình số tiền ông T đóng là 1.500.000 đồng. Như vậy, 03 chung sống, số tiền ông T đã đóng cho bà L là $43 \times 1.500.000 \text{ đồng} \times 03 = 193.500.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông T đã đóng cho bà L của 02 dây hội là: 76.500.000 đồng + 193.500.000 đồng = 270.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2024 ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Lâm Hiền H1 và bà Sơn Thị L trả tiền hội 600.000.000 đồng (tiền vốn 360.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/6/2024 là 246.060.000 đồng). Nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H1 và bà L trả số tiền hội 184.990.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Bị đơn bà Sơn Thị L trình bày: Khoảng năm 2016 bà Sơn Thị L là chủ hội có giao dịch hội với ông Nguyễn Văn T là hội viên. Tính đến thời điểm hiện nay bà còn nợ ông T 184.990.000 đồng – 58.000.000 đồng (hội chết) = 126.990.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 126.990.000 đồng. Bà L tham gia chơi để phục vụ sinh hoạt chi tiêu trong gia đình, nhưng bà L trực tiếp giao dịch hội với các hội viên, chồng bà là ông Lâm Hiền H1 không giao dịch hội nên bà tự đứng ra trả số tiền trên cho các hội viên.

Bị đơn ông Lâm Hiền H1: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 33 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1 cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ hội 184.990.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bà L và ông H1 được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu trả tiền hụi, bị đơn bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Lâm Hiền H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2024 ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Lâm Hiền H1 và bà Sơn Thị L trả tiền hụi 600.000.000 đồng (tiền vốn 360.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/6/2024 là 246.060.000 đồng). Nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H1 và bà L trả số tiền hụi 184.990.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 333.632.899 đồng.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, yêu cầu ông Lâm Hiền H1 và bà Sơn Thị L trả số tiền hụi 184.990.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà Sơn Thị L thừa nhận còn nợ tiền hụi 184.990.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Văn T, các đương sự thống nhất xác định từ khi dừng hụi tháng 01/2020 đến nay bị đơn không trả tiền vốn và cũng không đóng lãi cho nguyên đơn, do đó yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận. Mức lãi suất 0.83%/01 tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thời gian chậm trả từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2024 là 53 tháng (số tiền 184.990.000 đồng x 0.83%/tháng x 53 tháng = 81.377.101 đồng). Tổng cộng 266.367.101 đồng.

[6] Xét thấy, bà Sơn Thị L thực hiện giao dịch hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ sinh hoạt chi tiêu chung trong gia đình nên căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Lâm Hiền H1 là chồng bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi 184.990.000 đồng và tiền lãi 81.377.101 đồng. Tổng cộng 266.367.101 đồng cho ông Nguyễn Văn T.

[7] Đối với số tiền 58.000.000 đồng theo bà Sơn Thị L xác định ông Nguyễn Văn T chưa đóng cho bà L thì sẽ được xem xét trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí được Tòa án chấp nhận nên miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà L và ông H1.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 33 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với số tiền 333.632.899 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1.

Buộc bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1 cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 266.367.101 đồng (nợ hội 184.990.000 đồng và tiền lãi 81.377.101 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn án phí cho bà Sơn Thị L và ông Lâm Hiền H1 do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 14.001.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010362 ngày 14/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Giàu